

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 22 /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày 01 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn
và mức hỗ trợ cụ thể về xây dựng cánh đồng lớn
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 66/2006/TT- BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã và Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa VIII - kỳ họp thứ 18 phê duyệt định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 337/TTr-SNN ngày 05 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn và mức hỗ trợ cụ thể về xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 08/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn và mức hỗ trợ cụ thể về xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Hội làm vườn tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: NN&PTNT, Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Sở: TP, TN&MT, CT, KH&CN, XD, GTVT;
- Cục: Thuế, Thống kê TV;
- Kho bạc Nhà nước TV;
- NHNN Chi nhánh TV;
- Cty Lương thực TV;
- Báo, Đài PT&TH TV;
- LĐVP;
- Website Chính phủ;
- Các PNC, TT. TH-CB;
- Lưu: VT, NN. 44b.kn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn và mức hỗ trợ
cụ thể về xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2015/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn và mức hỗ trợ cụ thể về xây dựng cánh đồng lớn trong lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp trong nước có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là tổ chức đại diện của nông dân) hoặc hộ gia đình, cá nhân, trang trại (gọi chung là nông dân).

b) Tổ chức đại diện của nông dân có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc nông dân.

c) Nông dân tham gia hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân.

Điều 2. Tiêu chí quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn

1. Cánh đồng lớn cây lúa: Quy mô diện tích tối thiểu là 100 ha;

2. Cánh đồng lớn các loại cây công nghiệp ngắn ngày (cây mía, cây đậu phộng, cây lác): Quy mô diện tích tối thiểu là 20 ha;

3. Cánh đồng lớn các loại cây màu lương thực (cây bắp, khoai lang, khoai mì, cây có bột khác): Quy mô diện tích tối thiểu là 20 ha;

4. Cánh đồng lớn các loại cây màu thực phẩm (rau các loại, dưa các loại, đậu các loại): Quy mô diện tích tối thiểu là 10 ha;

5. Cánh đồng lớn các loại cây ăn trái và cây dứa: Quy mô diện tích tối thiểu là 50 ha.

Điều 3. Mức hỗ trợ cụ thể về xây dựng cánh đồng lớn

1. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để thực hiện các dự án xây dựng nhà máy chế biến, kho chứa, nhà ở công nhân, nhà công vụ phục vụ dự án cánh đồng lớn. Mức miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cụ thể thực hiện theo quy định tại điểm b mục 3 Công văn số 2103/BTC-NSNN ngày 10/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Được ưu tiên tham gia thực hiện hợp đồng xuất khẩu nông sản hoặc chương trình tạm trữ nông sản của Chính phủ.

- Được hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dự án cánh đồng lớn. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại điểm e mục 1 Công văn số 2103/BTC-NSNN ngày 10/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Được hỗ trợ 50% kinh phí tổ chức lớp đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng, bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại. Mức hỗ trợ cụ thể bằng 80% định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

- Doanh nghiệp phải có hợp đồng trực tiếp hoặc liên kết với các doanh nghiệp khác để cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất, gắn với mua nông sản của hộ nông dân hoặc tổ chức đại diện của nông dân trong dự án cánh đồng lớn.

- Có vùng nguyên liệu đảm bảo ít nhất 50% nhu cầu nguyên liệu và có hệ thống sấy, kho chứa, cơ sở chế biến đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo hợp đồng.

- Có phương án thực hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ đối với tổ chức đại diện của nông dân

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để thực hiện xây dựng cơ sở sấy, chế biến, kho chứa phục vụ cho dự án cánh đồng lớn. Mức miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cụ thể thực hiện theo quy định tại điểm b mục 3 Công văn số 2103/BTC-NSNN ngày 10/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Được ưu tiên tham gia thực hiện hợp đồng xuất khẩu nông sản hoặc chương trình tạm trữ nông sản của Chính phủ.

- Được hỗ trợ 30% trong năm đầu và 20% trong năm thứ 2 chi phí thực tế về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo hàng năm.

- Được hỗ trợ một lần 50% kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; bao gồm chi phí về ăn, ở, mua tài liệu, học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo. Nhưng không vượt quá định mức quy định tại Thông tư số 66/2006/TT- BTC ngày 17/7/2006 và Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Được hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức lớp tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng, bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên (nếu có). Mức hỗ trợ cụ thể bằng 80% định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Riêng chi phí tổ chức tham quan, tùy theo yêu cầu của khóa tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật có tổ chức tham quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong chương trình tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức đại diện của nông dân được chi trả tiền thuê xe và các chi phí liên hệ để tổ chức tham quan cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng, nhưng không quá 03 triệu đồng/chuyến.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

- Có hợp đồng và thực hiện cung ứng đầu vào cho sản xuất hoặc tổ chức sản xuất hoặc tiêu thụ nông sản cho các hộ thành viên và nông dân trên địa bàn.

- Có phương án thực hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hỗ trợ đối với nông dân

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất và thông tin thị trường miễn phí liên quan đến loại sản phẩm tham gia cánh đồng lớn.

- Được hỗ trợ một lần 30% chi phí mua giống cây trồng có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo hàng năm.

- Được hỗ trợ 100% chi phí lưu kho theo hợp đồng giữa nông dân và doanh nghiệp, thời hạn tối đa là 3 tháng trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản, nhưng không quá 50.000 đồng/tấn/tháng.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Hộ Nông dân cam kết thực hiện sản xuất và bán nông sản theo đúng hợp đồng đã ký và được cấp thẩm quyền xác nhận.

Điều 4. Thủ tục phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn; phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn

Thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch bố trí ngân sách hỗ trợ hàng năm cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia cánh đồng lớn trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện các Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn và báo cáo kết quả theo quy định.

d) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các tranh chấp, vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên liên kết; xem xét, quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi các hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với các bên vi phạm hợp đồng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản.

đ) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan, các cấp chính quyền khuyến khích đồn điền, đổi thửa; hướng dẫn, tư vấn cho các bên tham gia liên kết thực hiện Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch bố trí ngân sách hỗ trợ hàng năm cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia cánh đồng lớn.

3. Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội làm vườn tỉnh

a) Hướng dẫn, tư vấn pháp lý cho nông dân, hợp tác xã quy trình, thủ tục ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng hoặc giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật.

b) Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác, bảo vệ quyền lợi của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này và các quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hướng dẫn, tư vấn pháp lý cho nông dân, hợp tác xã; thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

c) Thực hiện khuyến khích đồn điền, đổi thửa; hướng dẫn, tư vấn cho các bên tham gia liên kết thực hiện dự án hoặc phương án cánh đồng lớn trên địa bàn.

d) Căn cứ hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân được Ủy ban nhân dân xã xác nhận thực hiện việc hỗ trợ nông dân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

